|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI**TRƯỜNG THPT THƯỢNG CÁT**--------------🙞🕮🙜---------------- | **PHIẾU BÀI TẬP MÔN TOÁN KHỐI 10****TUẦN TỪ 27/4 ĐẾN 2/5, năm học 2019 -2020***(Nội dung đến: Giá trị lượng giác của một cung tiết 1,2.* *Luyện tập phương trình đường thẳng tiết 2)* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

1. Trên đường tròn lượng giác số đo cung lượng giác có điểm đầu A, điểm cuối M có số đo *a* rad. Khi đó điểm M có tọa độ là:

**A.**  **B.**  **C.**  D.

1.  có nghĩa khi

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Gọi  là điểm cuối khi biểu diễn cung lượng giác  trên đường tròn lượng giác. Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào đúng?

**A.** Nếu  nằm bên phải trục tung thì .

**B.** Nếu  thuộc góc phần tư thứ tư thì  và .

**C.** Nếu  thuộc góc phần tư thứ hai thì  và .

**D.** Nếu  nằm phía trên trục hoành thì .

1. Cho  Giá trị lượng giác nào sau đây luôn dương ?

**A.  B. ** **C. ** **D. **

**Câu 5.** Tính giá trị của biểu thức:  biết sin = .

A.  B.  C.  D.  .

**Câu 6.** Giá trị lượng giác cosin của góc lượng giác có số đo  bằng :

**A.**  . **B.**  **C.** . **D.** 

**Câu 7.** Cung  nào mà sin nhận các giá trị tương ứng ?

**A.**  **B.** **C.** **D.** 

**Câu 8. Với**   thì = **?**

 **A.**  . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 9.** Với góc  bất kì. Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 10.** Mệnh đề nào sau đây là sai?

**A.**  **B.**

**C.**  **D.** 

**Câu 11.** Cho góc  thỏa  và  Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.  B.  C. D.** 

**Câu 12.** Cho góc  thỏa mãn  Tính 

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 13.** Cho gócthỏa mãn: Chọn khẳng định đúng.

1.  **B**. .

**C**.  **D.**.

**Câu 14.**Cho gócthỏa mãn: .

 Giá trị của biểu thức P =  là:

1.  **C**.  **C**.  **D**. 

**Câu 15.Cho: . Biết .** Giá trị của biểu thức F = a + b là:

 **A. ** **B.** **** **C**.  **D**. 

**Câu 16.**Chọn mệnh đề **đúng** trong các mệnh đề sau:

**A. ** **B.** ****

**C. **. **D**. ****

**Câu 17.** Chọn mệnh đề **sai** trong các mệnh đề sau**:**

 **A.  B. **

 **C.  D. **

**Câu 18.** Cho tam giác ABC, chọn mệnh đề **đúng?**

 **A.  B. **

 **C.  D. **

**Câu 19.** Đơn giản biểu thức , ta có

**A.** . **B. **. **C. **. **D. **.

**Câu 20**. Đơn giản biểu thức được kết quả là:

 **A. 1 B. **

 **C.  D. **

**Câu 21:** Trong mặt phẳng Oxy, cho điểm , đường thẳng  có phương trình . Tất cả các giá trị của m để khoảng cách từ A đến đường thẳng  bằng 3 là:

**A. . B. . C. . D. .**

**Câu 22:** Trong mặt phẳng Oxy, cho tam giác ABC có . Độ dài đường cao của tam giác ABC bằng

**A.**. **B.** . **C.** . **D.** 

**Câu 23:** Trong mặt phẳng Oxy, cho hai đường thẳng  lần lượt có phương trình  và . Cosin góc giữa hai đường thẳng  bằng

 **A. . B. . C. . D. .**

**Câu 24:** Trong mặt phẳng Oxy, cho tam giác ABC có . Đường cao của tam giác ABC có phương trình tổng quát là

1. **. B.** **.**

**C.** **. D.** 

**Câu 25:** Tìm tọa độ điểm M nằm trên trục Ox và cách đều 2 đường thẳng

△1:  và △2 : 

**A.** (0 ; ) **B. C.** (1 ; 0) **D.** ( ; 0).

**Câu 26:** Cho đường thẳng đi qua 2 điểm A(3 ; −1), B(0 ; 3), tìm tọa độ điểm M thuộc Ox sao cho khoảng cách từ M tới đường thẳng AB bằng 1.

**A.** (1 ; 0) và (3,5 ; 0) **B.** ( ; 0).

**C.** (4 ; 0) **D.** (2 ; 0)

**Câu 27**: Cặp đường thẳng nào dưới đây là phân giác của các góc hợp bởi 2 đường thẳng △1 :  và △2 : .

**A.**  và . **B.**  và .

**C.**  và . **D.**  và .

**Câu 28**. Tìm tọa độ điểm M thuộc trục Ox sao cho khoảng cách từ điểm M đến đường thẳng d:  bằng 

 **A.**   **B.**   **C.**   **D. **

**Câu 29**. Trong hệ trục Oxy cho điểm A(3; 1). Điểm B (m; 10-3m) nằm trong góc phần tư thứ nhất sao cho góc $\hat{AOB}$ bằng 450. Giá trị của *m* thuộc khoảng nào?

 **A.** $m\in (-3;0)$ **B.** $m\in (0;3)$ **C.**  $m\in (3;7)$ **D.** $m\in (7;+\infty )$

**Câu 30**. Cho hai điểm A(2;1); B(-3;2) và đường thẳng d: 4x+3y+5=0. Gọi M1(x1; y1) và M2(x2; y2) là các điểm cách đều hai điểm A; B, đồng thời khoảng cách từ M1, M2 đến đường thẳng d cùng bằng 2. Tính tích x1x2.

 **A.** $\frac{189}{361}$ **B.** $-\frac{189}{361}$ **C.**  $\frac{361}{189}$ **D.** $-\frac{361}{189}$

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:** a, Tính các giá trị lượng giác của cung bằng định nghĩa.

 b, Tìm điều kiện xác định của .

**Câu 2: a)** Cho  , với  <  < . Tính sin, cos

 **b)** Chứng minh rằng sin4x + cos4x = 1 – 2sin2x.cos2x

**Câu 3**: Rút gọn biểu thức sau :

 a) 

 b)

**Câu 4:** Trong mặt phẳng Oxy, cho điểm và đường thẳng  có phương trình .

 a) Tìm tọa độ điểm A trên Ox sao cho A cách đường thẳng một khoảng bằng  .

 b) Gọi H là hình chiếu vuông góc của M lên đường thẳng . Tìm toạ độ H.

 c) Tìm trên đường thẳng  điểm P sao cho P cách đều điểm M và đường thẳng .

**Câu 5** . Cho hình vuông ABCD có đỉnh A(-4 ;5) và một đường chéo đặt trên đường thẳng có phương trình :7x-y+8=0. Tìm tọa độ các đỉnh B, C, D của hình vuông đã cho.

**…Hết…**